TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – KHÁNH HOÀ** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST Ngày 31 – 7 - 2025 V/v "Ly hôn"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thu Hiền**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Đỗ Công Luận**

Ông Nguyễn Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Xuân Quý – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Khánh Hòa xét xử công khai vụ án Hôn nhân – gia đình sơ thẩm thụ lý số: 161/2025/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên toà số: 31/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2025, thông báo dời phiên toà số: 01/2025/TB-TA ngày 26 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm 1987, có mặt.

Địa chỉ: Thôn C, xã D, tỉnh Khánh Hòa.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đức L, sinh năm 1981, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn C, xã D, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/4/2025, bản tự khai ngày 22/4/2025 và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Đức L kết hôn năm 2014, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là xã H, thành phố Huế). Sau khi kết hôn ông bà chung sống tại thôn C, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hoà (nay là thôn C, xã D, tỉnh Khánh Hòa) và có 01 con chung Nguyễn Minh N, sinh ngày 19/9/2015. Quá trình chung sống giữa bà và ông L phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau về mọi mặt, ông L

ghen tuông vô cớ, đánh đập bà và vướng vào nạn cờ bạc bị nợ nần, thiếu trách nhiệm với gia đình, bà đã nhiều lần bỏ qua, khuyên can cho ông cơ hội sửa chữa thiếu sót nhưng ông vẫn không có ý thức chăm lo cho gia đình. Từ những mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được nên bà và ông L tuy sống chung một nhà nhưng mạnh ai nấy sống, không ai can thiệp, quan tâm cuộc sống của ai từ năm 2022 cho đến nay. Nay không thể kéo dài tình trạng hôn nhân này nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Đức L. Về con chung, sau khi ly hôn bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung đến tuổi trưởng thành, bà không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ N khai tự thoả thuận không yêu cầu toà án giải quyết. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ N khai không có.

Tại bản tự khai ngày 22/4/2025 và các lời khai tiếp theo, bị đơn ông Nguyễn Đức L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đức L thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Mỹ N về thời điểm kết hôn và con chung. Ông khai quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung do bà N không chăm lo cho gia đình, thường xuyên tụ tập đánh bài dẫn tới kinh tế gia đình khó khăn nên ông mới chơi số đề để kiếm tiền trang trãi. Ông thừa nhận bản thân chơi số đề có gây ra nợ nần nhưng bà N đã thay ông trả hết và nay ông không còn chơi số đề nữa. Ông cho rằng đây là vấn đề bình thường mà các cặp vợ chồng thường gặp phải. Nay bà Nguyễn Thị Mỹ N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông, ông không đồng ý vì ông vẫn còn tình cảm với bà N và thương con. Về con chung: Ông L trình bày trong trường hợp tòa giải quyết cho bà N ly hôn với ông thì ông đồng ý giao con chung Nguyễn Minh N, sinh ngày 19/9/2015 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ông không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Ông L khai tự thoả thuận không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Ông L khai không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Khánh Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng theo quy định. Đối với bị đơn ông Nguyễn Đức L đã được Tòa án triệu tập, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng sau khi trình bày lời khai và tham gia phiên hoà giải lần thứ nhất, những lần làm việc tiếp theo và tại phiên toà ông L vắng mặt không có lý do, do đó tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông L là đúng theo quy định của pháp luật

Về thu thập tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã thực hiện việc thu thập tài liệu chứng cứ theo quy định.

Về nội dung vụ án: Về hôn nhân, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc cho bà Nguyễn Thị Mỹ N được ly hôn với ông Nguyễn Đức L; Về con chung: Đề nghị HĐXX giao con chung Nguyễn Minh N, sinh ngày 19/9/2015 cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ông L không phải cấp dưỡng nuôi con do bà N không yêu cầu; Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ N, ông Nguyễn Đức L tự thoả thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ N, ông Nguyễn Đức L khai không có nên không xem xét; Về án phí đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Đức L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt; do đó Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Khánh Hoà tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với qui định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Nguyễn Đức L kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là xã H, thành phố Huế) và đã được UBND xã cấp giấy chứng nhận kết hôn số 48/2014, quyển số 01/2014, ngày 06/3/2014. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông L là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, giữa bà N và ông L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, bà N cho rằng lý do mâu thuẫn do ông L thiếu trách nhiệm với gia đình, tham gia vào nạn lô đề, cờ bạc dẫn đến nợ nần. Mặc dù bà đã nhiều lần bỏ qua để ông L sửa chữa sai lầm, vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con nhưng ông L vẫn không thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Trong quá trình giải quyết vụ án ông L không đồng ý ly hôn với lý do còn tình cảm với bà N và thương con, bản thân ông đã khắc phục những sai sót bỏ chơi số đề, tập trung đi làm chăm lo cho gia đình. Tuy nhiên, sau khi bà N làm đơn ra tòa yêu cầu ly hôn, quá trình giải quyết vụ án bản thân ông cũng không có hướng khắc phục để hàn gắn tình cảm vợ chồng, tình trạng hôn nhân vẫn không cải thiện được, ông và bà N tuy sống chung nhà nhưng không ai quan tâm ai. Hội đồng xét xử xét thấy, xuất phát từ bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến mâu thuẫn làm cho tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, việc chăm sóc, quan tâm lẫn nhau không còn, do đó mâu thuẫn giữa bà N và ông L đã đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài. Vì vậy có duy trì quan hệ hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai và mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Do đó, căn cứ

vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ N đối với ông Nguyễn Đức L.

[2] *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Nguyễn Đức L có 01 con chung Nguyễn Minh N, sinh ngày 19/9/2015. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành. Bà không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Quá trình làm việc tại Tòa án, ông Nguyễn Đức L có ý kiến nếu tòa án giải quyết cho bà N được ly hôn thì ông đồng ý giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ông không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, sau khi ly hôn việc giao con chưa thành niên cho người nào nuôi dưỡng, giáo dục là nhằm mục đích giúp con chưa thành niên phát triển tốt cả về tinh thần lẫn thể chất. Con chung của bà N và ông L hiện đang sống ổn định cùng bà N. Mặt khác, cháu N có nguyện vọng xin được ở với mẹ là bà Nguyễn Thị Mỹ N. Điều này cũng phù hợp với ý kiến của ông L về việc nếu bà N yêu cầu tiếp tục nuôi con chung thì ông đồng ý, không tranh chấp. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung, theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 19/9/2015 cho bà Nguyễn Thị Mỹ N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Đối với vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Mỹ N vẫn giữ quan điểm không yêu cầu ông L cấp dưỡng. Ý kiến của bà N là hoàn toàn tự nguyện HĐXX quyết định tạm thời ông L không phải cấp dưỡng nuôi con. Quá trình nuôi con nếu gặp khó khăn bà N có quyền làm đơn yêu cầu cấp dưỡng nuôi con hoặc thay đổi người trực tiếp nuôi con để đảm bảo quyền lợi cho con chung.

[3] *Về tài sản chung*: Bà Nguyễn Thị Mỹ N, ông Nguyễn Đức L tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không xét.

[4] *Về nợ chung:* Bà Nguyễn Thị Mỹ N, ông Nguyễn Đức L khai không có không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị Mỹ N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị Mỹ N được ly hôn với ông Nguyễn Đức L.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Minh N, sinh ngày 19/9/2015 cho bà Nguyễn Thị Mỹ N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Bà Nguyễn Thị Mỹ N không yêu cầu ông Nguyễn Đức L cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn vì quyền lợi của con, các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ N, ông Nguyễn Đức L tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không xét.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Nguyễn Đức L khai không có nên HĐXX không xét.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ N phải nộp 300.000 *(ba trăm ngàn)* đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tại biên lai số 0001596 ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diên Khánh. Bà Nguyễn Thị Mỹ N đã nộp đủ án phí.

Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Mỹ N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ông Nguyễn Đức L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa
- VKSND Khu vực 3 - Khánh Hoà;
- Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hoà;
- Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 3 - tỉnh Khánh Hoà;
- UBND xã Lộc Bổn, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là xã Hưng Lộc, thành phố Huế (GCNKH số 48/2014, quyển số 01/2014, ngày 06/3/2014);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền